

Số: 403 /QĐ-DHDL

Lâm đồng, ngày 11 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ
và khai thác thương mại tài sản trí tuệ
của Trường Đại học Đà Lạt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-HDT ngày 20/10/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 16/6/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp ban thẩm định dự thảo quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Đà Lạt ngày 18/03/2021;

Căn cứ Biên bản giải trình hoàn thiện dự thảo quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường Đại học Đà Lạt ngày 26/04/2021;

Theo đề nghị của Trường phòng QLKH-HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ và khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường Đại học Đà Lạt”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng QLKH-HTQT, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH-HTQT.



Nguyễn Tất Thắng



**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ
VÀ KHAI THÁC THƯƠNG MẠI TÀI SẢN TRÍ TUỆ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

*(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-DHDL ngày 11 tháng 6 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích ban hành quy định

Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ và khai thác thương mại tài sản trí tuệ (SIHTT - TSTT) nhằm mục đích đẩy mạnh hoạt động tạo lập, nhận diện, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và hoạt động khai thác thương mại được tạo ra trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác liên quan đến SIHTT của các đơn vị và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Trường Đại học Đà Lạt (Trường) tạo nguồn thu cho hoạt động nghiên cứu, nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu để khẳng định vị thế khoa học của Trường tại địa phương và khu vực.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định quản lý hoạt động SIHTT và khai thác thương mại TSTT nhằm thiết lập các nội dung liên quan đến SIHTT trong Trường gồm:

- a. Phân định và xác lập quyền SIHTT đối với các TSTT là kết quả phát sinh từ các nhiệm vụ quản lý, đào tạo, nghiên cứu.
- b. Ghi nhận các tác giả, đồng tác giả của các đối tượng SIHTT tương ứng với hoặc hàm chứa trong các TSTT đó.
- c. Xác định quyền và nghĩa vụ của các tác giả, đồng tác giả và các đơn vị tham gia vào hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu.
- d. Ghi nhận, quản lý, khai thác và phân bổ lợi ích phát sinh từ các TSTT mới giữa các bên tham gia tạo lập các TSTT tương ứng.

2. Đối tượng áp dụng

a. Tất cả viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên đang công tác, nghiên cứu và học tập tại Trường theo các quy định điều chỉnh tương ứng trong Luật Viên chức, Luật Lao động, Luật giáo dục, Luật Giáo dục Đại học và pháp luật khác có liên quan.

b. Tất cả các Đoàn thể, Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm (gọi chung là Đơn vị) bao gồm cả các tổ chức khác hình thành trong quá trình liên doanh, liên kết giữa Trường với các đối tác trừ khi có thỏa thuận khác.

c. Các chủ thể trong và ngoài nước có mối quan hệ giao kết hợp đồng đào tạo, phối hợp đào tạo, hợp tác nghiên cứu, triển khai dự án, sản xuất thương mại hoặc dịch vụ với Trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ, xúc tiến truyền thông của Trường cũng như trong thực tiễn quản lý, giảng dạy, làm việc, nghiên cứu và học tập, tất cả các đối tượng quy định tại Điều 3 của Luật SHIT Việt Nam hiện hành có thể làm phát sinh TSTT của Trường hoặc của các bên có liên quan. Trong phạm vi điều chỉnh của Quy định này, các thuật ngữ được hiểu như giải thích từ ngữ trong Luật SHIT hiện hành, ngoài ra:

1. Tài sản trí tuệ là tất cả các sản phẩm trí tuệ được sở hữu hợp pháp thông qua hoạt động tự sáng tạo, đầu tư để sáng tạo, mua lại, nhận chuyển giao hoặc được tặng, cho, trao đổi; các quyền SHIT đã xác lập và các TSTT khác mà có thể nhận biết và mô tả đầu tư để sáng tạo, sáng tạo ra, hoặc nắm giữ/ chiếm hữu hợp pháp sản phẩm trí tuệ đó và chủ thể tương ứng có thể kiểm soát được việc sử dụng khai thác sản phẩm trí tuệ đó bao gồm:

a. Kết quả, sản phẩm trí tuệ của công trình nghiên cứu khoa học, các đề tài, dự án khoa học công nghệ,...

b. Giáo trình, bài giảng, tài liệu chuyên khảo, tham khảo, báo cáo khoa học, bài báo; dụng cụ trợ giảng, dụng cụ hỗ trợ tác nghiệp...

c. Sáng kiến cải tiến kỹ thuật

d. Quy trình công nghệ, máy móc, thiết bị, linh – phụ kiện chế tạo được tạo ra trong quá trình nghiên cứu triển khai,...

e. Chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu.

f. Giống cây trồng.

g. Nhãn hiệu hàng hóa – dịch vụ, bí mật kinh doanh.

h. Tài sản khác được tạo ra từ hoạt động trí tuệ.

2. Đối tượng quyền SHTT theo Điều 3 của Luật SHTT Việt Nam hiện hành hoặc theo pháp luật SHTT nước sở tại nơi thực hiện dự án bao gồm:

a. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học;

b. Đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá;

c. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý;

d. Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

3. Quyền SHTT là tất cả các quyền đã được xác lập theo Luật SHTT Việt Nam hiện hành quy định tại Điều 4 Luật SHTT bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng.

4. Tài sản trí tuệ khác bao gồm nhưng không giới hạn ở các sáng kiến, phát minh, thông tin, dữ liệu, các quy trình nghiệp vụ.... không thỏa mãn điều kiện bảo hộ độc quyền SHTT.

5. Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào. Trong phạm vi hoạt động của Trường, tác phẩm có thể phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn:

a. Các giáo trình, đề cương đào tạo, tài liệu tham khảo, sách, bài giảng điện tử,...

b. Luận văn, luận án, khóa luận, đồ án của học viên và sinh viên, bản vẽ thiết kế, bản vẽ quy trình, đề cương, dự án, ý tưởng nghiên cứu đã thể hiện trên văn bản, kết quả sản phẩm của các đề tài, dự án KH&CN.

c. Các báo cáo tham luận, báo cáo chuyên đề, báo cáo nghiên cứu khoa học.

d. Các đề cương nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu có sử dụng ngân sách nhà nước.

e. Thông tin hình ảnh, băng đĩa, ghi hình, ghi âm về các quy trình chuyên môn, công tác giảng dạy, hội nghị, hội thảo, tập huấn, đối thoại, sự kiện trong và ngoài nước do Trường tổ chức.

f. Báo cáo khoa học được đăng trong các kỳ yếu hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, các bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

g. Các chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng phục vụ các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, quản lý và làm việc.

h. Các tác phẩm mô tả sáng kiến, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng,...

i. Các tác phẩm mô tả quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, máy móc thiết bị, linh – phụ kiện chế tạo.

k. Các tác phẩm mô tả tài sản khác được tạo ra từ hoạt động trí tuệ của các đối tượng áp dụng trong Quy định này.

6. Tác giả hoặc đồng tác giả là cá nhân hoặc tập thể, trực tiếp sáng tạo ra toàn bộ hoặc một phần sản phẩm được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

a. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSIT nếu đã tham gia trực tiếp vào việc sáng tạo bằng trí óc của mình để tạo ra TSIT tương ứng. Được xem là “có tham gia trực tiếp vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với thành viên tham gia thực hiện đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó, TSIT liên quan được tạo ra.

b. Người học thực hiện khóa luận, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ tại Trường được công nhận là tác giả hoặc đồng tác giả tùy theo mức độ đóng góp dựa trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của người hướng dẫn.

7. Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản đối với tác phẩm và một số quyền nhân thân theo quy định của pháp luật.

8. Chủ thể quyền SHIT là chủ sở hữu quyền SHIT hoặc tổ chức cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHIT.

9. Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

10. Chuyển giao quyền SHIT là chuyển nhượng quyền SHIT hoặc chuyển giao quyền sử dụng độc quyền hoặc không độc quyền (cấp li-xăng) đối với một quyền SHIT cụ thể.

11. Thông tin không phổ biến là các thông tin bí mật, thông tin không được tiết lộ, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ hoặc các thông tin nội bộ được đánh dấu "thông tin mật", "thông tin nội bộ".

12. Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong hoạt động nghiên cứu, đào tạo, cung ứng dịch vụ của Trường.

Bí mật công nghệ là thông tin thu được từ hoạt động khoa học và công nghệ chưa được bộc lộ.

13. Thông tin nội bộ

a. Thông tin liên quan đến công tác quy hoạch nhân sự, tình hình hoạt động, tài chính, đầu tư của Trường đang được lưu hành và xử lý trong nội bộ Trường bởi những người có thẩm quyền.

b. Các thông tin liên quan đến các đối tượng nghiên cứu đặc biệt có ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích của bên thứ ba, chưa được thông qua hội đồng chuyên môn của Trường (Phòng QLKH-HITQT sẽ lập hội đồng, trình Hiệu trưởng phê duyệt) thẩm định về tính chính xác, tính khoa học và chưa được người có thẩm quyền công bố.

14. Hoạt động công vụ là bất kỳ hoạt động nào do viên chức và người lao động thực hiện theo nhiệm vụ được giao hoặc được xác định trong hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc.

15. Viên chức và người lao động được hiểu là tất cả giảng viên, chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên, nghiên cứu viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại Trường theo pháp luật hiện hành.

16. Giảng viên được hiểu là bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng.

17. Người học được hiểu là sinh viên ở tất cả các chuyên ngành đào tạo, học viên sau đại học đang học tập và nghiên cứu tại Trường.

18. Cộng tác viên là các cá nhân và tổ chức hợp tác với Trường theo vụ việc hoặc theo hợp đồng nhưng không hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tại Trường.

19. Nguồn lực của Trường được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn là mọi nguồn lực đầu tư nghiên cứu phát triển như tài chính, tài sản, tài sản hữu hình, quyền tài sản, tài sản vô hình khác, TSTT, thông tin, dữ liệu, nhân sự, thời gian lao động, quyền điều động, phân công lao động, các nguồn lực tài chính khác của Trường.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 4. Quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ

1. Trường là chủ sở hữu hoặc là người có quyền đứng tên xác lập quyền sở hữu đối với các TSTT sau đây:

a. Được tạo ra bởi viên chức, người lao động, người học, cộng tác viên hoặc các đơn vị theo nhiệm vụ được giao, trừ khi giữa Trường và chủ thể được giao nhiệm vụ có thỏa thuận khác.

b. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường đặt hàng, hoặc tài trợ đối với các đơn vị, cá nhân trong hoặc ngoài Trường, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

c. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường với một hoặc một số đối tác khác trong đó, có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về Trường.

d. Được các chủ thể khác tiếp nhận, kế thừa, chuyển nhượng hoặc tặng, cho Trường.

e. Được tạo ra trong quá trình thực hiện nghiên cứu, nhưng không phải là kết quả/sản phẩm giao nộp theo hợp đồng thực hiện, nhưng được hình thành như một sản phẩm trí tuệ trung gian, hoặc phát sinh trong tiến trình nghiên cứu, triển khai, hoặc phát sinh từ một TSTT hoặc một nguồn lực được trang bị để thực hiện dự án khác, hoặc phát sinh từ một TSTT là kết quả mới của việc thực hiện dự án và TSTT mới đó thuộc về Trường.

2. Trường là đồng sở hữu (với một hoặc nhiều chủ thể khác) đối với các TSTT sau đây:

a. Được tạo ra bởi viên chức, người lao động, người học, cộng tác viên hoặc các đơn vị, không theo nhiệm vụ được giao, nhưng TSTT được tạo ra bằng nguồn lực chủ yếu của Trường (chiếm nguồn lực từ 30% trở lên), trừ khi giữa Trường và chủ thể liên quan có thỏa thuận khác.

b. Được tạo ra bởi viên chức, người lao động, người học, cộng tác viên hoặc các đơn vị, không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Trường, nhưng xuất phát từ một hoặc một số TSTT thuộc danh mục thông tin không phổ biến của Trường mà bởi viên chức, người lao động, người học, cộng tác viên hoặc các đơn

vị đã được tiếp cận để tạo lợi thế dễ dàng cho việc hình thành TSĐT, trừ khi giữa Trường và chủ thể liên quan có thỏa thuận khác.

3. Được tạo ra trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh,... với các đối tác khác, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

Việc xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp thuộc khoản 2,3 Điều này sẽ do các bên có liên quan thỏa thuận cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về tiềm lực hoặc thông tin, trên cơ sở hợp tác bền vững và các bên cùng có lợi. Nếu không có thỏa thuận khác thì sẽ chia đều tỷ lệ sở hữu.

Trong trường hợp một đồng chủ sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình, chủ sở hữu của phần quyền muốn chuyển nhượng đó sẽ ưu tiên chuyển nhượng cho các đồng chủ sở hữu khác theo các điều kiện thương mại hợp lý.

4. Trường không phải là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu đối với các TSĐT sau đây trừ khi giữa Trường và chủ thể liên quan có thỏa thuận khác:

a. Được tạo ra bởi viên chức, người lao động, người học, cộng tác viên hoặc các đơn vị nhưng không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Trường và cũng không xuất phát từ một hoặc một số TSĐT thuộc danh mục thông tin mật của Trường.

b. Được tạo ra bởi viên chức, người lao động, người học, cộng tác viên hoặc các đơn vị trong quá trình tham gia hưởng ứng các hoạt động của các đoàn thể hoặc nhằm phục vụ các sinh hoạt cộng đồng.

c. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường với một hoặc một số đối tác khác trong đó, có quy định các TSĐT phát sinh là thuộc về các bên đối tác.

Điều 5. Các quy định chi tiết liên quan đến quyền sở hữu đối với các tác phẩm

1. Các tác phẩm thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường là các giáo trình và đề cương đào tạo, các báo cáo tham thuận, các đề án, đề tài phân tích, nghiên cứu, các băng, đĩa ghi âm, ghi hình về các quy trình chuyên môn, các phần mềm ứng dụng phục vụ các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy,...

2. Quyền tài sản đối với các tác phẩm theo quy định của Luật SHTT.

3. Quyền nhân thân của tác giả, đồng tác giả đối với tác phẩm theo quy định của Luật SHTT.

4. Việc Trường là chủ sở hữu đối với các tác phẩm theo khoản 1 Điều 4 được hiểu là Trường là chủ sở hữu đối với tất cả các quyền tài sản của tác phẩm và các tác giả, đồng tác giả liên quan có nghĩa vụ chuyển giao quyền công bố của các tác phẩm tương ứng về cho Trường, trừ khi giữa Trường và các tác giả, đồng tác giả có thỏa thuận khác.

5. Trong trường hợp Trường hoặc một số chủ thể khác là đồng sở hữu đối với các tác phẩm, các đồng sở hữu sẽ cùng thỏa thuận cụ thể bằng văn bản về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản nêu tại khoản 2 Điều này, về việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng nêu tại khoản 3 Điều này do các tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.

6. Trong trường hợp TSĐT do viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên tạo ra theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 là tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm gốc thuộc sở hữu của Trường, các tác giả và đồng tác giả phải xin phép, chi trả kinh phí bản quyền, thông báo cho Trường về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Trường bằng văn bản trước khi công bố hoặc khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó, trừ khi pháp luật SHTT có quy định khác.

Điều 6. Quyền sở hữu trí tuệ của viên chức và người lao động

1. Các tài sản trí tuệ thường phát sinh trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu của viên chức và người lao động bao gồm:

- Các tác phẩm: Luận văn, luận án, khóa luận; các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu (được Nhà nước, các Bộ, các Sở KH&CN và Trường cấp kinh phí thực hiện); báo cáo nghiên cứu khoa học, các bản báo cáo khảo sát thực tiễn cấp khoa/bộ môn trực thuộc, cấp Trường; kỷ yếu hội nghị, hội thảo (khoa/bộ môn trực thuộc, cấp Trường, quốc gia, quốc tế) được xuất bản có chỉ số; giáo trình, tài liệu tham khảo; sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử được xuất bản có chỉ số.

- Các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

2. Trường là đồng sở hữu/không sở hữu đối với các tài sản trí tuệ nêu trên tùy thuộc vào các điều kiện đặt ra ở Điều 4, Điều 5.

3. Viên chức và người lao động sẽ được hưởng quyền nhân thân đối với tài sản trí tuệ mình tạo ra.

4. Quy định cụ thể cho các quyền sở hữu đối với các tác phẩm được quy định cụ thể như sau:

- Trong trường hợp Trường hoặc một số chủ thể khác là đồng sở hữu đối với tác phẩm, các đồng sở hữu sẽ cùng thỏa thuận cụ thể về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản cũng như việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng do tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.

- Trong trường hợp tài sản trí tuệ do viên chức và người lao động tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật SIIT; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Trường bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.

- Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Trường.

- Đối với các bài báo khoa học do viên chức và người lao động sử dụng thời gian làm việc tại Trường và phương tiện vật chất của Nhà trường để soạn thảo thì các tác phẩm này thuộc quyền sở hữu của viên chức và người lao động tương ứng. Tuy nhiên, trong các công bố phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường Đại học Đà Lạt.

- Các sản phẩm trí tuệ khác từ hoạt động đổi mới sáng tạo, sáng kiến cải tiến, các kết quả nghiên cứu khoa học,... mà được tạo ra chính bằng sự đầu tư nguồn lực của viên chức và người lao động thì quyền sở hữu thuộc về tác giả trừ khi có thỏa thuận khác.

Điều 7. Quyền sở hữu trí tuệ của người học

1. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học được thể hiện qua các bài tập, đồ án môn học, luận văn tốt nghiệp, sáng chế... đều thuộc về người học. Trừ các trường hợp do viên chức và người lao động đầu tư kinh phí để thực hiện ý tưởng nghiên cứu của các viên chức và người lao động sẽ xem xét cụ thể.

2. Trong trường hợp các tài sản trí tuệ của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực của Trường, hoặc có sự đầu tư của Trường về kinh phí, hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của viên chức và người lao động, thì Trường, viên chức, người lao động và người học liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ phát sinh bằng văn bản. Trường hợp do các công ty đầu tư nghiên cứu của người học và có các hợp đồng hay thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật, thực hiện theo hợp đồng cụ thể khi có chứng thực của người đại diện pháp luật (nếu không có thỏa thuận bằng văn bản thì sẽ chia đều quyền sở hữu).

Điều 8. Quyền nhân thân của tác giả và đồng tác giả

Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định của Luật SHTT, Luật Dân sự và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Quyền tài sản của tác giả và đồng tác giả

Các tác giả và đồng tác giả được hưởng quyền tài sản theo quy định tương ứng của Luật SHTT hoặc theo các quy định về trả thù lao, nhuận bút, tiền khen thưởng sáng kiến,... của Trường hoặc theo các giao kết trong hợp đồng mà họ đã ký kết.

Điều 10. Xác định tỷ lệ đóng góp

Trong trường hợp TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, các đồng tác giả có nghĩa vụ cùng xem xét và thỏa thuận về tỷ lệ đóng góp của mỗi người trong quá trình sáng tạo. Nếu không có sự thỏa thuận rõ ràng về tỷ lệ đóng góp thì các quyền tài sản liên quan được chia đều giữa các đồng tác giả.

CHƯƠNG III QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 11. Phân cấp quản lý hoạt động SHTT

Phòng QLKH-HTQT là đơn vị thực hiện chức năng quản lý các tài sản trí tuệ của Trường. Các tác giả có TSTT chịu trách nhiệm báo cáo công việc trực tiếp với Phòng QLKH-HTQT để thống nhất quản lý và chuyển giao.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng QLKH-HTQT

Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị, viên chức, người lao động và người học trong việc:

1. Tổ chức hoạt động khai báo và ghi nhận, lưu giữ các chứng cứ liên quan đến các TSTT phát sinh trong các mặt hoạt động của Trường và thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường;
2. Căn cứ vào quy định và pháp luật có liên quan để xác định cụ thể về chủ sở hữu, tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng chủ sở hữu, tác giả và đồng tác giả, tỷ lệ đóng góp của mỗi đồng tác giả,... đối với các TSTT đề cập tại khoản 1 Điều này. Thông báo bằng văn bản với các đơn vị và các tác giả, đồng tác giả có liên quan;

3. Xác định cụ thể các điều kiện, phương thức, thời điểm,...tiết lộ hoặc công bố các TSĐT đề cập tại khoản 1 Điều này. Thông báo bằng văn bản với các đơn vị và các tác giả, đồng tác giả có liên quan;

4. Xúc tiến các thủ tục, hồ sơ cần thiết để xác lập quyền SHĐT đối với các đối tượng quyền SHĐT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường;

5. Tham mưu cho Hiệu trưởng các phương án quản lý và khai thác có hiệu quả các TSĐT, chính sách khen thưởng và xử lý vi phạm về SHĐT trong các mặt hoạt động của Trường;

6. Soạn thảo quy trình, thủ tục, biểu mẫu quản lý và khai thác các TSĐT, các hình thức khen thưởng và xử lý vi phạm về SHĐT trình Hiệu trưởng ban hành thực hiện;

7. Phối hợp với các đơn vị triển khai quy định cùng các quy định có liên quan;

8. Kiểm tra việc tuân thủ quy định và pháp luật SHĐT trong các mặt hoạt động khác Trường;

9. Hỗ trợ hòa giải ban đầu các tranh chấp hoặc xung đột liên quan đến quyền SHĐT trong các mối quan hệ thuộc phạm vi hoạt động của Trường;

10. Định kỳ tổ chức việc rà soát, bổ sung, đánh giá các TSĐT thuộc danh mục hiện hữu;

11. Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, viên chức, người lao động và người học trong việc xúc tiến các thủ tục hoặc sử dụng các dịch vụ xác lập quyền SHĐT đối với các TSĐT thuộc quyền sở hữu của họ;

12. Xây dựng kế hoạch hoạt động SHĐT hàng năm và dự toán kinh phí liên quan trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện;

13. Tham gia vào các hội đồng xét chọn, nghiệm thu đề tài/dự án giúp truy cập thông tin khoa học hoặc thông tin về sáng chế và tư vấn cho tác giả đảm bảo đề tài/dự án có khả năng xác lập quyền SHĐT, tìm kiếm nhà đầu tư để thương mại hóa sản phẩm;

14. Tra cứu thông tin liên quan đến TSĐT để làm cơ sở quyết định thực hiện việc xác lập quyền SHĐT;

15. Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định về SHĐT của Trường, sao cho phù hợp với sự phát triển của Trường trong từng giai đoạn và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

16. Thực hiện công tác tập hợp các biểu tượng, dấu hiệu đặc trưng của Trường, từ đó góp phần xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu của Trường.



Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị

Trường các đơn vị các trách nhiệm phối hợp cùng phòng QLKH-HTQT trong việc:

1. Phòng chống việc sử dụng trái phép quyền SIITT của các chủ thể khác trong mọi mặt hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các đơn vị có liên quan phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Trường;

2. Phổ biến quy định này cùng các quy định khác có liên quan đến toàn thể viên chức, người lao động và người học thuộc đơn vị mình quản lý;

3. Yêu cầu viên chức, người lao động và người học thuộc đơn vị mình quản lý tiến hành hoạt động khai báo các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các hướng dẫn của phòng QLKH-HTQT;

4. Đầu tư phát triển các TSTT của riêng đơn vị bằng nguồn lực tự có hoặc thông qua các mối quan hệ với các đối tác hoặc phòng QLKH-HTQT hỗ trợ tìm kiếm nhà đầu tư;

5. Xúc tiến việc khai thác giá trị của các TSTT do đơn vị tạo ra hoặc tham gia tạo ra cho Trường, hoặc yêu cầu phòng QLKH-HTQT hỗ trợ xúc tiến;

6. Đề xuất và soạn thảo các hướng dẫn cụ thể hóa quy định không được trái với quy định này và các quy định pháp luật có liên quan để trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền lợi của viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên

1. Không sử dụng các quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi mặt hoạt động của từng cá nhân tại Trường nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu. Trong trường hợp vi phạm viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên liên quan phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Trường.

2. Khai báo kịp thời và đầy đủ về các TSTT mới phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, theo hướng dẫn của phòng QLKH-HTQT. Tất cả các bản khai báo này được xem là thông tin mật của Trường cho đến khi được phòng QLKH-HTQT thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ.

3. Tuân thủ các điều kiện, phương thức, thời điểm ... tiết lộ hoặc công bố TSTT mới phát sinh theo thông báo bằng văn bản của phòng QLKH-HTQT như quy định tại khoản 3 Điều 12;

4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSIT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Trường hoặc của chủ thể khác theo quy định và theo các văn bản thỏa thuận.

5. Hỗ trợ cung cấp các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập quyền và khai thác quyền đối với các TSIT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra và thuộc quyền sở hữu của Trường hoặc của chủ thể có liên quan. Đóng góp ý kiến giúp phòng QLKH-HTQT nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác TSIT của Trường;

6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSIT theo quy định;

7. Người học là tác giả đối với luận văn, luận án, đồ án của mình nếu không có cam kết gì khác với các đối tác bên ngoài hoặc với giảng viên hướng dẫn, hoặc với Trường. Các TSIT phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học được thể hiện qua các bài tập, đồ án môn học, luận văn, luận án đều thuộc về người học, trừ các trường hợp có thỏa thuận khác hoặc TSIT đó được tạo ra thông qua việc sử dụng các nguồn lực (chiếm 30% trở lên) của Trường hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của người hướng dẫn thì Trường, người hướng dẫn và người học có liên quan sẽ cùng xác định tỷ lệ quyền sở hữu đối với TSIT phát sinh bằng văn bản;

8. Nếu các Đơn vị, viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên là người đầu tư nguồn lực cho việc thực hiện khóa luận, luận văn, luận án của người học, thì quyền sở hữu đối với khóa luận, luận văn, luận án được xác định phù hợp với thỏa thuận giữa các Đơn vị, viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên;

9. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan đến TSIT của Trường, Đơn vị, viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên phải được sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

Điều 15. Các quy tắc bảo mật TSIT

1. Khi có TSIT mới phát sinh được nhận diện, viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên liên quan tiến hành báo cáo cho phòng QLKH-HTQT ghi nhận và đánh dấu lên tài liệu bằng ký hiệu “Thông tin không phổ biến” màu đỏ, đặt ở góc trên bên phải của tài liệu, được lưu trữ tại phòng QLKH-HTQT và nơi phát sinh TSIT. Trong trường hợp không xử lý kịp đúng quy trình trên, tất cả các tài liệu này phải được lưu trong hồ sơ có đánh dấu “Thông tin không phổ biến” tại nơi phát sinh TSIT.

2. Những tài liệu đã được phòng QLKH-HTQT xử lý và xác nhận là “Thông tin không phổ biến” của Trường sẽ được đóng dấu “Mật” màu đỏ ở góc trên bên phải của tài liệu và được tiến hành quản lý theo dạng “Thông tin không phổ biến”.

3. Chỉ những viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên có liên quan mới được tiếp cận “Thông tin không phổ biến” và phải cam kết bảo mật thông tin bằng văn bản trước khi được tiếp cận.

4. Việc tiếp cận “Thông tin không phổ biến” phải có văn bản đồng ý của Trưởng phòng QLKH-HTQT.

Điều 16. Các quy định về giao kết bảo vệ bí mật thông tin

1. Tất cả viên chức, người lao động trước khi nghỉ việc hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác, phải có nghĩa vụ cam kết bảo mật (những cam kết này được thực hiện trước khi vào làm việc) các nội dung sau:

a. Không được sử dụng bất cứ nội dung chương trình đào tạo, hoặc bất cứ quy trình tổ chức hoặc quy trình quản lý các hoạt động chuyên môn của Trường để áp dụng vào các cơ quan, đơn vị khác không phải Trường.

b. Không được tiết lộ bất kỳ “Thông tin không phổ biến” của Trường cho bất kỳ bên thứ ba nào khác dưới bất kỳ hình thức nào (văn bản, lời nói, hình ảnh,...) trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

c. Không sử dụng bất kỳ TSTT nào được tạo ra bởi viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên liên quan của Trường, kể cả của tác giả và đồng tác giả nếu các TSTT đó thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

2. Phòng QLKH-HTQT tư vấn, hỗ trợ các đơn vị soạn thảo và ký kết các giao kết bảo mật giữa:

a. Phòng TC-HC đối với viên chức, người lao động, mới được ký kết vào làm việc với Trường hoặc bổ sung nếu đang làm việc mà chưa thực hiện trước đó.

b. Phòng QLKH-HTQT đối với các đối tác bên ngoài khi đến trao đổi hoặc thương thảo các hợp đồng liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học lấy ý tưởng từ viên chức, người lao động của Trường. Các cộng tác viên và người học khi tham gia nghiên cứu các đề tài nhận kinh phí hỗ trợ của Trường hoặc ngân sách nhà nước.

3. Tất cả các thành viên tham gia các hội đồng khoa học có nghĩa vụ cam kết tuyệt đối không được tiết lộ với bất kỳ bên thứ ba nào vì bất kỳ lý do nào hoặc không được sử dụng các ý tưởng hoặc kết quả nghiên cứu của các tác giả đã trình bày vào bất kỳ mục đích cá nhân nào của mình.

Điều 17. Thẩm định và tái thẩm định TSTT hiện hữu

1. Định kỳ hàng năm, Phòng QLKII-HITQT có trách nhiệm tổ chức thẩm định giá trị của các TSIT và các thông tin mật trong các danh mục quản lý TSIT hiện hữu. Khi cần thiết có thể trình Hiệu trưởng thành lập tổ hoặc hội đồng thẩm định, tái thẩm định TSIT.

2. Sau mỗi đợt tái thẩm định, Phòng QLKII-HITQT lập danh sách các TSIT và thông tin không phổ biến không còn giá trị thương mại, không phù hợp với điều kiện sử dụng của Trường trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định và chỉ được chính thức đưa ra khỏi danh mục quản lý TSIT hiện hữu sau khi có quyết định bằng văn bản của Hiệu trưởng.

Điều 18. Các quy định về sử dụng logo và bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh của Trường

1. Logo của Trường đã được Cục SHTT Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu độc quyền và được pháp luật Việt Nam bảo hộ. Mọi hành vi xâm phạm hoặc sử dụng trái phép logo của Trường sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc thể hiện logo của Trường trên tất cả các ấn phẩm truyền thông và giấy tờ giao dịch của Đơn vị của Trường phải tuân thủ theo quy định quản lý và sử dụng logo. Mọi trường hợp vi phạm, gây phương hại đến hình ảnh chung của Trường sẽ không được tiếp tục sử dụng và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

3. Trường có thể đồng ý cho các đối tác sử dụng hoặc công bố logo của Trường trong các tài liệu truyền thông của họ với điều kiện phải thông báo trước về mục đích sử dụng và phải nhận được sự chấp nhận bằng văn bản của Trường hoặc phải có các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng có liên quan.

4. Việc sử dụng logo của Trường cho những mục đích sau đây sẽ không được đồng ý:

a. Sử dụng logo của Trường để phục vụ cho việc cấu tạo nên logo, nhãn hiệu của tổ chức khác gây nhầm lẫn.

b. Sử dụng logo của Trường cho việc quảng bá sản phẩm, dịch vụ và các hoạt động nhằm mục đích kinh doanh mà Trường chưa phê duyệt.

c. Sử dụng logo của Trường với ngụ ý như chứng nhận, hoặc sự phê duyệt cho các hoạt động, dịch vụ hoặc sản phẩm không được tạo ra bởi các hoạt động do viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên liên quan đến Trường thực hiện hoặc không có sự hỗ trợ của Trường.

5. Tất cả viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên liên quan đến Trường có trách nhiệm trong việc duy trì, xây dựng và bảo vệ uy tín, hình ảnh của Trường. Nếu phát hiện các hành vi xâm phạm hoặc gây tổn hại đến uy tín, hình ảnh của Trường, mọi cá nhân có nghĩa vụ báo cáo kịp thời cho phòng Thanh tra hoặc phòng QLKH-HTQT hoặc Hiệu trưởng. Trong các trường hợp các hành vi xâm phạm có mức độ nghiêm trọng, mà việc báo cáo cho Trường gặp khó khăn, các cá nhân có thể báo cáo cho các cơ quan chuyên môn gần nhất.

Điều 19. Quyền công bố đối với tài sản trí tuệ

1. Việc công bố tài sản trí tuệ thực hiện theo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến khả năng thương mại tài sản trí tuệ của chủ sở hữu.

2. Quyền công bố tài sản trí tuệ thuộc về Trường trừ trường hợp các bên tham gia đóng góp nguồn lực có thoả thuận khác. Đối với tài sản trí tuệ là kết quả các công trình nghiên cứu khoa học (chương trình, dự án, đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước) thì quyền công bố thuộc về trường Đại học Đà Lạt.

3. Trong trường hợp Trường không thực hiện việc công bố trong một thời gian hợp lý do Trường quy định mà không có lý do thỏa đáng thì quyền công bố thuộc về tác giả tạo ra tài sản trí tuệ.

Điều 20. Quy trình và thủ tục đăng ký văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ

1. Hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ

a. Xin cấp Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ;

b. Xin cấp Bảo hộ giống cây trồng theo hướng dẫn của Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

c. Xin cấp Bản quyền tác giả đối với các ấn phẩm theo hướng dẫn của Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm hướng dẫn quy trình và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ cho viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên có liên quan thuộc Trường.

CHƯƠNG IV

KHAI THÁC THƯƠNG MẠI TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 21. Các hình thức khai thác thương mại TS/TT

Việc khai thác TS/TT bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức:

- Chuyển nhượng quyền sở hữu TS/TT cho chủ thể khác;
- Áp dụng, khai thác TS/TT trong quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Trường;
- Sử dụng quyền SHTT để góp vốn, liên doanh, liên kết;
- Cấp văn bằng bảo hộ cho các đối tượng có nhu cầu;
- Chuyển giao công nghệ;
- Chuyển nhượng, cho, tặng TS/TT.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ về khai thác TS/TT của viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng các TS/TT của Trường khi thực hiện nhiệm vụ được giao của Trường;
2. Có quyền được hưởng các lợi ích phù hợp từ việc khai thác thương mại TS/TT của Trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả. Tùy theo từng trường hợp mà có thỏa thuận riêng với Trường.
3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên tạo ra là một sáng chế cho Trường, việc sử dụng và khai thác sáng chế phụ thuộc phải nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Trường;
4. Vẫn được giữ quyền nhân thân đối với các tác phẩm, sáng chế của mình khi không còn học tập và công tác tại Trường;
5. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật SHTT; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Trường bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.
6. Đối với các thông tin khoa học được thuộc danh mục “thông tin không phổ biến” được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí khoa học nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Hiệu trưởng và phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường

Dại học Đà Lạt trong tác phẩm của mình. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của Trường khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

7. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Trường, viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên không còn được hưởng thù lao từ các TSTT do Trường sở hữu hoặc đồng sở hữu; trong đó viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên là tác giả/dồng tác giả trừ khi giữa Trường với chủ thể liên quan hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 23. Chuyển nhượng quyền sở hữu đối với các TSTT mà Trường không khai thác

1. Trong trường hợp Trường thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Trường đối với một TSTT do viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên tạo ra, các đơn vị hoặc viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên có thể yêu cầu Trường chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình.

2. Trường có thể yêu cầu viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên chuyển nhượng TSTT cho các đơn vị hoặc viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên với điều kiện thương mại hợp lý.

3. Các đơn vị viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn các TSTT vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Trường.

4. Các đơn vị, viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên đang học tập và công tác tại Trường không chuyển giao các TSTT cho đối tác thứ ba ngoài Trường nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Trường; trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Trường hoặc pháp luật liên quan có quy định khác.

Điều 24. Hoạt động xúc tiến thương mại các TSTT của Bộ phận Khai thác TSTT

1. Phòng QLKH-HITQT có trách nhiệm chủ động phối hợp với các đơn vị và cá nhân của Trường trong việc xúc tiến thương mại các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường.

2. Phòng QLKH-HITQT tham mưu cho Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li-xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng TSTT, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập TSTT mới.

Điều 25. Phân bổ thu nhập và lợi nhuận từ việc khai thác các TSTT

1. Phân chia thu nhập từ những tài sản trí tuệ là sản phẩm của những đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước:

Sau khi đã trừ các chi phí khác (nếu có) như: đăng ký bản quyền, tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng chuyển giao, phân chia lợi nhuận cho cơ quan chủ quản cấp kinh phí (theo tỉ lệ đã thỏa thuận trong quy định hoặc hợp đồng ...), việc hưởng thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các TSTT được tính như sau:

a. Lợi nhuận từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ:

- Tác giả/dồng tác giả: được hưởng 70% tổng giá trị;
- Trường: được hưởng 30% tổng giá trị;

b. Lợi nhuận từ việc thương mại hóa các sản phẩm do Trường sản xuất (trong 10 năm):

- Tác giả/dồng tác giả: được hưởng 40% tổng giá trị.
- Trường hoặc đơn vị có quyền sở hữu: được hưởng 60% tổng giá trị.

2. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận của nhóm tác giả tương ứng với tỷ lệ đóng góp của từng tác giả mà nhóm tác giả đã tự thỏa thuận bằng văn bản.

a. Lợi nhuận của Trường hoặc các đơn vị có quyền sở hữu sẽ phân bổ cho Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ theo tỉ lệ 50:50.

b. Đối với những trường hợp đạt được kết quả vượt mức, Phòng QLKH-HTQT sẽ đề xuất Hiệu trưởng có quyết định trả thù lao riêng và khen thưởng theo thỏa thuận hợp lý.

3. Đối với các TSTT tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.

4. Hàng năm, Trường trích 10% lợi nhuận sau thuế từ các TSTT được thương mại hóa để bảo đảm kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản lý TSTT của năm tiếp theo, bao gồm các nội dung:

- a. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật SHIT và kiến thức quản lý TSTT;
- b. Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản lý TSTT và cơ sở dữ liệu thông tin TSTT;
- c. Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý TSTT;
- d. Lập Quỹ Phát triển hoạt động Khoa học và Công nghệ;
- e. Triển khai các hoạt động khác theo nhiệm vụ và quyền hạn của phòng QLKH-HTQT.

5. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ TSTT sẽ do Hiệu trưởng trường DHDL quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG VI CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Các điều khoản thi hành

1. Viên chức, người lao động, người học và cộng tác viên đang học tập và công tác tại Trường phải cam kết tuân thủ bằng văn bản về các nội dung trong quy định này trước khi giao kết hợp đồng làm việc với Trường, có nghĩa vụ tuân thủ quy định này sau khi được tuyển dụng, bổ nhiệm chính thức.

2. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai kế hoạch, phương án tập hợp và ghi nhận lại tất cả các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường đã hình thành từ trước ngày quy định được ban hành.

3. Các tranh chấp về SHTT trong nội bộ được ưu tiên xử lý theo tinh thần thỏa thuận, hòa giải. Nếu không hòa giải được sẽ áp dụng theo các trình tự, thủ tục pháp lý có liên quan hiện hành.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy định này, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh về phòng QLKH-HTQT để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp thực tiễn quản lý SHTT của Trường hoặc theo sự sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện của pháp luật hiện hành. /